

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày 21-11- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thu Hương

Bà Trần Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lý Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/ QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đào Tiến L (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 02/7/1988 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; **Trình độ học vấn: 10/12**; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đào Tiến L1 và bà Phạm Thị S; **vợ là Đặng Thị T, bị cáo có 02 con**. Tiền án: Không

Tiền sự: 01. Quyết định số 46 ngày 20/5/2022 của Công an huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính Đào Tiến L số tiền 2.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

Nhân thân: Bản án số 38/2015/HSST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt Đào Tiến L 5.800.000đ về tội Đánh bạc. Ngày 05/01/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 10/8/2023, hiện đang cư trú tại Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Nguyễn Kiên Q (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 16/11/1987 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Gia U' và bà Hoàng Thị X (đã chết); vợ Đào Thị Thúy H (đã ly hôn), bị cáo chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 10/8/2023, hiện đang cư trú tại Thôn B, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Đỗ Văn G (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 10/12/1979 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Xuân V (đã chết) và bà Lê Thị H1; vợ: không có, năm 1999 chung sống như vợ chồng với Trần Thị H2, năm 2017 chung sống như vợ chồng với Trần Xa V1. Bị cáo có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/6/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 30/6/2023, hiện đang cư trú tại Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

4. Đặng Văn Q1 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 25/10/1977 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn T2 và bà Trần Thị T3 (đều đã chết); vợ: Trần Thị L2, bị cáo có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 10/8/2023, hiện đang cư trú tại Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

5. Trần Văn T4 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 25/9/1971 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H3 và bà Trần Thị H4 (đều đã chết); vợ: Trần Thị N, bị cáo có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 30/6/2023, hiện đang cư trú tại Thôn C, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

6. Khương Thị T5 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 01/02/1999 tại huyện M, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Pa Dí; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Khương Khánh P và bà Lục Thị T6; chồng: Phạm Tiến Đ, bị cáo có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 30/6/2023, hiện đang cư trú tại Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

7. Phạm Thu H5 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 16/8/1994 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Tiến T7 (đã chết) và bà Phạm Thị G1; chồng: Bùi Văn C, bị cáo có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 30/6/2023, hiện đang cư trú tại Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

8. Nguyễn Tiến C1 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 07/9/1990 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tiến C2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C3; vợ: Hoàng Thị P1 (đã ly hôn), bị cáo có 01 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 30/6/2023, hiện đang cư trú tại Khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

9. Lê Văn H6 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 13/9/1980 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H7 và bà Phạm Thị D; vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 10/8/2023, hiện đang cư trú tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

10. Lý Văn H8 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 25/02/1986 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Văn T8 (đã chết) và bà Phạm Thị L3; vợ: Phạm Thị N1. Bị cáo có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 10/8/2023, hiện đang cư trú tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

11. Vũ Tô H9 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 03/11/1988 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Huy T9 (đã chết) và bà Vũ Thị M; vợ: Cò Thị T10. Bị cáo có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 10/8/2023, hiện đang cư trú tại Thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

12. Nguyễn Đăng M1 (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 01/5/1987 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú: Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đăng C4 và bà Trần Thị K; vợ: Trần Thị T11. Bị cáo có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 23/HSST ngày 31/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt Nguyễn Đăng M1 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng tính từ ngày tuyên án về tội Cường đoạt tài sản.

Quyết định số 19/QĐXP ngày 01/12/2010 của Công an huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Đăng M1 phạt tiền 2.000.000đ về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 01/12/2010 chấp hành xong quyết định.

Quyết định số 89/QĐXP ngày 31/10/2011 của Công an huyện B, tỉnh Lào Cai xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Đăng M1 phạt tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Ngày 01/11/2011 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và T1 hoãn xuất cảnh từ ngày 10/8/2023, hiện đang cư trú tại Thôn G, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 20/6/2023 do muốn tổ chức đánh bạc nên Đào Tiến L đã sử dụng điện thoại Nokia 1280 bên trong lắp sim số 0983389959 gọi điện thoại cho Đỗ Văn G hỏi "Trong anh có chỗ nào chơi không?", ý muốn hỏi chỗ đánh bạc. Lúc này G đang ở cùng Đặng Văn Q1, hiểu ý L hỏi chỗ đánh bạc nên G hỏi Q1 "nhà có đồi cây không để cho bọn nó chơi?", Q1 hiểu ý G hỏi như vậy là hỏi địa điểm đánh bạc nên trả lời "Có", G nói với L "Cứ vào đi". Để tổ chức đánh bạc, L chuẩn bị 01 thảm vải màu đỏ đen hình chữ nhật kích thước 5,9m x 1,3m và 01 kéo bằng kim loại cho vào cốp xe ô tô biển kiểm soát 24A-212.08 mà Lập thuê của Tạ Duy T12 (sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố số A, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai) từ ngày 19/6/2023.

Đến khoảng hơn 13 giờ cùng ngày, L điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 24A-212.08 đón Nguyễn Kiên Q2 đi từ thị trấn P đến xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

gặp Đỗ Văn G. Lập sử dụng điện thoại Nokia 1280 bên trong lắp sim số 0983389959 gọi cho G để hỏi địa điểm cụ thể thì G nói "cứ vào khu nhà anh". Sau đó, L gọi điện thoại cho Lê Thị N2 thông báo địa điểm, thời gian tổ chức đánh bạc và nói với N2 "Nếu muốn bán nước thì vào bán". Trên đường đi, L nhận được điện thoại của Trần Văn T4 gọi đến, L nói với T4 về việc tổ chức đánh bạc trong khu vực Km 43 xã X và Lập đang trên đường đến khu vực này nên T4 hẹn L đón mình ở khu vực ngã 3 B. Khi đi đến ngã 3 B, L mua 01 bát con men sứ, 01 đĩa tròn men sứ, 01 bộ bài tây tứ lơ khơ 52 lá, 20 chiếc ghế nhựa màu xanh và cho vào 02 bao tải để trong cốp xe. Sau đó, L đón T4 rồi điều khiển xe đến khu vực thôn N, xã X gặp G.

Khi gặp nhau, G dẫn L đến nhà Đặng Văn Q1, G nói với Q1 "Cho bọn nó chơi ở góc nhàn đầu nhà", Q1 nói "Thích chơi thì lên đồi mà chơi, không được chơi ở đây". Tiếp đó, L tháo sim điện thoại số 0983389959 ra khỏi máy điện thoại Nokia 1280 của mình, rồi lắp sim điện thoại số 0768049863 vào điện thoại này và đưa cho Q2. L nói với Q2 "Ra ngoài đường đợi, nếu có ai gọi đến thì nghe và chỉ đường cho họ vào địa điểm đánh bạc", Q2 cầm điện thoại đi ra ngoài đường Quốc lộ 70 ở đầu đường bê tông lồi rẽ vào nhà Q1. Sau đó, L mở cốp xe ô tô lấy 02 bao tải đựng ghế nhựa và thảm, kéo, L xách một bao và nhờ G xách hộ một bao rồi cùng Q1, T4 đi lên đồi. Trên đường đi, khi đến khu vực vườn đồi của Đặng Văn P2 (sinh năm 1976, trú tại thôn N, xã X, huyện B), L nói "Chơi ở đây luôn cho mát". Sau đó, L trải thảm ra nền đất, lấy kéo sắt, bát, đĩa, bộ bài ra để trên thảm để phục vụ cho việc đánh bạc.

Đối với Nguyễn Kiên Q, khi ra đường Quốc lộ 70 ngồi đợi Q sử dụng điện thoại Nokia 1280 của mình bên trong có lắp sim số thuê bao 0826926305 cho Lê Văn H6 thông báo địa điểm đánh bạc. Sau đó, trong quá trình đứng đợi thì lần lượt có Nguyễn Tiến C1, Lê Thị N2, Khương Thị T5, Phạm Thu H5, Lê Văn H6, Nguyễn Đăng M1 và Nguyễn Văn C5, cuối cùng là Lý Văn H8 đến gặp Q thì đều được Q chỉ đi đến địa điểm Lập tổ chức đánh bạc.

Khi L thấy khoảng hơn 10 người đến, L bỏ bộ bài ra rồi lấy 4 lá bài tứ lơ khơ gồm 2 lá bài chất rô và 2 lá bài chất cơ cắt thành 04 quân vị hình tròn để cho mọi người đánh bạc bằng hình thức "xóc đĩa" được thua bằng tiền. Cách thức đánh bạc như sau: Đánh "xóc đĩa" gồm có 1 người cầm cái "xóc đĩa" và được chia thành hai bên chắn và lẻ, người cầm cái ngồi ở đầu chiếu bạc, phía bên phải dọc theo chiếu bạc của người cầm cái là bên chắn, phía bên trái dọc theo chiếu bạc của người cầm cái là bên lẻ. Người cầm cái sử dụng 01 bát con, 01 đĩa, 04 quân vị đặt ở bên trong. Sau khi người cầm cái cầm bát đĩa xóc để đảo lộn 4 quân vị và đặt xuống mặt thảm thì các con bạc sẽ đặt cược tiền trên thảm theo hai bên chắn, lẻ để đánh bạc, khi hai bên chắn lẻ đặt tiền xong thì người cầm cái mở bát, về chắn (2 hoặc 4 quân vị về cùng một mặt) thì người đặt cược bên chắn thắng được số tiền bằng với số tiền đã đặt cược, người đặt cược bên lẻ bị thua số tiền đã đặt cược. Nếu quân vị về lẻ (3 quân vị về một mặt giống nhau và quân vị còn lại về mặt khác) thì người đặt cược bên lẻ sẽ thắng được số tiền bằng số tiền đã đặt cược, người bên chắn bị thua số tiền đã đặt cược.

Khi bắt đầu đánh bạc, Q1 là người cầm cái “xóc đĩa” cho Trần Văn T4, Khương Thị T5, Phạm Thu H5, Nguyễn Tiến C1, Đỗ Văn G, Lê Văn H6, Lý Văn H8, Vũ Tô H9 đánh bạc. Sau khi đánh được vài ván Q1 muốn tham gia đánh bạc nhưng những người tham gia đánh bạc không đồng ý việc vừa cầm cái vừa tham gia đánh bạc nên Q1 không cầm cái nữa mà trực tiếp tham gia đánh bạc. Lúc này, Nguyễn Tiến C1 bảo Nguyễn Đăng M1 (đang đứng xem) cầm cái “xóc đĩa” cho mọi người đánh bạc, M1 đồng ý. Khi các đối tượng đánh bạc được 1 lúc thì Lập thu tiền phé của những người tham gia đánh bạc, trong đó thu của H5, T5 mỗi người 200.000 đồng, thu của G, C1, H6, H8, H9 mỗi người 300.000 đồng. Ngoài ra, L còn làm hồ lý là lấy tiền bên thua cược đưa cho bên thắng cược.

Đến khoảng 16 giờ 15 phút ngày 20/06/2023, Công an huyện B phát hiện bắt quả tang 05 đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Trần Văn T4, Khương Thị T5, Phạm Thu H5, Nguyễn Tiến C1, Đỗ Văn G và đối tượng Lê Thị N2 có mặt tại thời điểm công an bắt quả tang. Còn các đối tượng khác bỏ chạy khi Công an bắt quả tang. Cơ quan công an thu giữ trên chiếu bạc số tiền 11.050.000đ đồng do ngân hàng N4 phát hành; 01 đĩa men sứ hình tròn màu trắng; 01 bát men sứ màu trắng mặt ngoài bát có hoa văn; 01 thảm vải màu đỏ - đen; 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài tây trong đó có 02 quân vị mặt chất “rô” và 02 quân vị mặt chất “cơ”, mặt còn lại có hoa văn màu xanh - vàng; 04 lá bài tây gồm các lá bài “3 bích”, “4 bích”, “3 rô”, “4 rô”; 20 ghế nhựa màu xanh; 01 túi có dây đeo, bằng vải, giả da màu nâu bên trong túi có 01 kéo bằng kim loại và 46 lá bài tây. Thu của Lê Thị N2 số tiền 32.050.000đ, thu của Khương Thị T5 2.000.000đ, thu của Nguyễn Tiến C1 1.500.000đ, tạm giữ 01 xe máy Honda Wave Alpha biển kiểm soát 24T1-106.79 và 01 xe máy Honda Wave Alpha biển kiểm soát 24B3-024.45.

Sau khi khởi tố vụ án Đánh bạc, các đối tượng khác lần lượt ra đầu thú gồm: Nguyễn Kiên Q, Nguyễn Đăng M1 đầu thú ngày 28/6/2023, Lý Văn H8 đầu thú ngày 30/6/2023, Lê Văn H6 đầu thú ngày 01/7/2023, Đào Tiến L, Vũ Tô H9 đầu thú ngày 06/7/2023, Đặng Văn Q1 đầu thú ngày 19/7/2023. Quá trình điều tra vụ án các đối tượng khai nhận như sau:

Bị cáo Trần Văn T4 mang theo số tiền 800.000 đồng để đánh bạc, bị cáo đặt cược nhiều lần, lần ít nhất 50.000 đồng, nhiều nhất 150.000 đồng. Đến khi bị bắt quả tang T4 thua hết tiền.

Bị cáo Đỗ Văn G mang theo số tiền 3.700.000 đồng đánh bạc, nộp cho L 300.000 đồng tiền phé, còn lại 3.400.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Đỗ Văn G tham gia đặt cược nhiều ván, có ván thắng có ván thua. Khi bị bắt quả tang G đang thua và đặt cược ván cuối 100.000 đồng để trên chiếu bạc.

Bị cáo Đặng Văn Q1 mang theo số tiền là 1.150.000 đồng để đánh bạc. Q1 tham gia đặt cược nhiều ván, thời điểm Công an phát hiện bắt quả tang thì Q1 đang thua 1.000.000 đồng, còn 150.000 đồng Q1 để lại trên chiếu bạc và bỏ chạy thoát.

Đối với bị cáo Phạm Thu H5 và Khương Thị T5 đang ở nhà mẹ đẻ của H5 ở thôn L, xã X thì Lê Thị N2 điều khiển xe máy BKS 24B3-024.45 đến rủ đi bán

nước ở sỏi bạc, T5, H5 đồng ý. Khi cả 3 đến Km 43 thì được Q chỉ đường đi vào sỏi bạc. Khi đi bị cáo T5 mang theo số tiền 500.000 đồng, nộp phé cho Đào Tiến L 200.000 đồng, số tiền còn lại 300.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt thì T5 thắng được số tiền 1.700.000 đồng. Bị cáo H5 mang theo số tiền 860.000 đồng, nộp phé cho Đào Tiến L 200.000 đồng, số tiền còn lại H5 sử dụng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang H5 đã thua hết số tiền trên.

Trưa ngày 20/6/2023, Nguyễn Tiến C1 nghe Đào Tiến L nói ở khu Km 43 có đánh bạc nên khoảng 15 giờ cùng ngày, C1 đến để đánh bạc. Khi đi bị cáo mang theo khoảng 5.000.000 đồng, C1 nộp phé cho Đào Tiến L 300.000 đồng, số tiền còn lại C1 sử dụng để đánh bạc. Chơi tham gia đặt cược nhiều ván, ván ít nhất 500.000 đồng, ván nhiều nhất là khoảng hơn 1.000.000 đồng. Sau khi chơi một lúc thắng được tiền, C1 đã cất 1.500.000 đồng vào trong túi quần rồi tiếp tục đánh bạc. Khi lực lượng Công an vào bắt quả tang thì C1 đang thắng, tổng số tiền lúc đó khoảng 7.000.000 đồng vẫn để trên chiếu bạc trước mặt C1.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/6/2023, Nguyễn Đăng M1 gọi điện thoại cho Lê Văn H6, nghe H6 nói có đánh bạc ở km43 X nên M1 hẹn H6 qua nhà đón M1 cùng đi đến sỏi bạc. Khi H6 đến nhà M1 thì gặp Nguyễn Văn C5 (sinh năm 1980, ở cùng thôn với H6) nên cả ba cùng nhau đi. Trên đường đi, H6, M1, C5 gặp Lý Văn H8 và H6 nói với H8 về việc đánh bạc nên H8 thuê xe ôm đi theo xe do M1 điều khiển chở H6 và C5 đến sỏi bạc. Khi đi Lê Văn H6 mang theo số tiền 2.800.000 đồng, nộp cho Đào Tiến L 300.000 đồng tiền phé, còn 2.500.000 đồng sử dụng để đánh bạc. H6 đặt cược nhiều ván, có ván thắng, ván thua, khi bị công an bắt quả tang H6 đang thua chỉ còn lại số tiền là 2.000.000 đồng vẫn để trên chiếu bạc. Lý Văn H8 mang theo số tiền 700.000 đồng, nộp phé cho Đào Tiến L 300.000 đồng, số tiền còn lại 400.000 đồng H8 sử dụng để đánh bạc. H8 tham gia đặt cược nhiều ván và đã thua số tiền trên. Còn Nguyễn Đăng M1 không mang theo tiền, Nguyễn Văn C5 không tham gia đánh bạc. Khi lực lượng công an phát hiện bắt quả tang thì M1, H8, H6, C5 bỏ chạy thoát.

Khoảng đầu giờ chiều ngày 20/6/2023, Nguyễn Văn H10 (sinh năm 1985, trú tại thôn T, thị trấn Nông Trường P, huyện B, tỉnh Lào Cai) thuê Nguyễn Văn N3 (sinh năm 1992, trú tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai) là lái xe taxi chở từ S về nhà tại thị trấn P. Khi gần tới nhà, thì H10 nhận được điện thoại của Hoàng Trung Đ1 (sinh năm 1993, trú tại tổ H, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai) nói ở khu vực Km 43 có đánh bạc. Sau đó, H10 gọi điện cho Vũ Tô H9 thông báo việc đánh bạc, H9 hẹn H10 đón H9 đi cùng. Khi đi bị cáo H9 mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc, nộp phé cho L 300.000đ, quá trình đánh H9 thắng được thêm 2.000.000 đồng. Còn H10, N3 chỉ xem mọi người đánh bạc và không tham gia đánh bạc. Khi bị lực lượng công an phát hiện bắt quả tang, các đối tượng đều bỏ chạy. Ngoài ra, thời điểm những người khác đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thì Hoàng Trung Đ1 lấy 04 lá bài “3 bích”, “4 bích”, “3 rô”, “4 rô” đặt lên chiếu bạc để làm vị, nhưng sau 2 đến 3 ván bạc không có người nào tham gia đánh vị với Đ1 nên Đ1 đã thu 04 lá bài lại để trên chiếu bạc rồi đi về.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSBT ngày 30/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Đào Tiến L, Nguyễn Kiên Q về tội "Tổ chức đánh bạc" theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Đặng Văn Q1, Đỗ Văn G, Nguyễn Tiến C1, Lê Văn H6, Vũ Tô H9, Phạm Thu H5, Trần Văn T4, Lý Văn H8, Khương Thị T5, Nguyễn Đăng M1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và không đề nghị gì. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Tiến L, Nguyễn Kiên Q phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; tuyên bố các bị cáo Đặng Văn Q1, Đỗ Văn G, Nguyễn Tiến C1, Lê Văn H6, Vũ Tô H9, Phạm Thu H5, Trần Văn T4, Lý Văn H8, Khương Thị T5, Nguyễn Đăng M1 phạm tội "Đánh bạc". Về hình phạt, đề nghị:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 17, 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Đào Tiến L từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự đề nghị phạt bổ sung bị cáo Đào Tiến L từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Kiên Q từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, tuyên thời gian thử thách theo quy định. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn G 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T4, Khương Thị T5, Phạm Thu H5 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, tuyên thời gian thử thách theo quy định, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn H6, Lý Văn H8 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, tuyên thời gian thử thách theo quy định; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt tiền bị cáo Vũ Tô H9 từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ, Nguyễn Tiến C1 từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ, Đặng Văn Q1 từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Đăng M1 từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

Đề nghị về xử lý vật chứng:

+ Tích thu sung quỹ Số tiền 11.050.000đ thu giữ trên chiếu bạc và các số tiền thu giữ của các bị cáo gồm: 2.000.000đ thu của Khương Thị T5, 1.500.000đ thu của Nguyễn Tiến C1, 3.700.000đ do Vũ Tô H9 nộp, 1.900.000đ do Đào Tiến L giao nộp.

+ Tích thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A02 thu giữ của Trần Văn T4; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng thu giữ của Đỗ Văn G; 01 thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng thu giữ của Lê Văn H6; 01 điện thoại di động Nokia 1280 do Đào Tiến L giao nộp.

+ Tích thu tiêu hủy: 01 đĩa men sứ hình tròn màu trắng; 01 bát men sứ màu trắng mặt ngoài bát có hoa văn; 01 thảm vải màu đỏ - đen; 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài tây; 04 lá bài tây gồm các lá bài “3 bích”, “4 bích”, “3 rô”, “4 rô”; 20 ghế nhựa màu xanh; 01 túi có dây đeo, bằng vải giả da màu nâu; 01 kéo bằng kim loại và 46 lá bài tây.

+ Tích thu tiêu huỷ 01 thẻ sim lắp trong điện thoại Samsung Galaxy A02 thu giữ của Trần Văn T4; 01 thẻ sim lắp trong điện thoại Oppo thu giữ của Đỗ Văn G; 01 thẻ sim lắp trong điện thoại Iphone 8 Plus thu giữ của Lê Văn H6; 01 thẻ sim thuê bao số 0768049863 lắp trong điện thoại Nokia 1280 của Đào Tiến L và 01 thẻ sim điện thoại số 0983389959 do không còn giá trị sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đào Tiến L khai do muốn tổ chức đánh bạc để kiếm tiền nên bị cáo đã chuẩn bị công cụ phương tiện, địa điểm tổ chức cho 10 bị cáo đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa, thu phé số tiền 1.900.000đ. Đối với bị cáo Nguyễn Kiên Q, mặc dù không được L bàn bạc từ đầu về việc tổ chức đánh bạc, nhưng khi được L đưa điện thoại và bảo chỉ đường cho người khác đến địa điểm đánh bạc thì bị cáo đã đồng ý ngay và tích cực thực hiện.

Đối với các bị cáo Đặng Văn Q1, Đỗ Văn G tuy có giúp L tìm địa điểm đánh bạc nhưng mục đích là để thoả mãn việc đánh bạc của mình và thực tế các bị cáo đã cùng tham gia đánh bạc. Ngoài ra các bị cáo Nguyễn Tiến C1, Lê Văn

H6, Vũ Tô H9, Phạm Thu H5, Trần Văn T4, Lý Văn H8, Khương Thị T5, Nguyễn Đăng M1 cũng đã trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc.

Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo khai nhận về số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Bị cáo Trần Văn T4 sử dụng 800.000đ, bị cáo Đỗ Văn G sử dụng 3.700.000đ, Đặng Văn Q1 sử dụng 1.150.000đ, Phạm Thu H5 sử dụng 860.000đ, Khương Thị T5 sử dụng 500.000đ, Nguyễn Tiến C1 sử dụng 5.000.000đ, Lê Văn H6 sử dụng 2.800.000đ, Lý Văn H8 sử dụng 700.000đ, Vũ Tô H9 sử dụng 2.000.000đ. Tổng cộng số tiền sử dụng để đánh bạc theo lời khai của các bị cáo là: 17.150.000đ. Tuy nhiên khi bị bắt cơ quan công an thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 11.050.000đ, thu giữ của K1, Nguyễn Tiến C1 1.500.000đ. Ngoài ra quá trình điều tra các bị cáo đã tự giác giao nộp số tiền sử dụng vào việc đánh bạc bao gồm: Vũ Tô H9 giao nộp 3.700.000đ, Đào Tiến L giao nộp 1.900.000đ. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là **20.150.000đ**.

Từ các lập luận trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Đào Tiến L, Nguyễn Kiên Q về tội "Tổ chức đánh bạc" theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Đặng Văn Q1, Đỗ Văn G, Nguyễn Tiến C1, Lê Văn H6, Vũ Tô H9, Phạm Thu H5, Trần Văn T4, Lý Văn H8, Khương Thị T5, Nguyễn Đăng M1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật song không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên đã lao vào tệ nạn xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của các bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Đào Tiến L và Nguyễn Kiên Q đồng phạm về hành vi tổ chức đánh bạc. Bị cáo L là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ và tổ chức cho 10 người đánh bạc nhằm mục đích thu phé nên bị cáo phải chịu trách nhiệm chính. Bị cáo Nguyễn Kiên Q tuy không cùng L chuẩn bị công cụ phương tiện nhưng khi biết L tổ chức đánh bạc bị cáo không can ngăn mà còn giúp L chỉ đường cho các bị cáo khác đến địa điểm đánh bạc nên bị cáo Q phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức.

Đối với các bị cáo còn lại đồng phạm về hành vi đánh bạc. Trong đó bị cáo Đỗ Văn G, khi L gọi điện thoại hỏi địa điểm tổ chức đánh bạc thì bị cáo đã tích cực tìm địa điểm cho L, đưa L đến gặp Đỗ Văn Q3 và bảo Q3 dẫn L đến địa điểm tổ chức đánh bạc, giúp L mang công cụ phương tiện lên để tổ chức đánh bạc. Hành vi giúp L tìm địa điểm đánh bạc của bị cáo nhằm mục đích thỏa mãn hành vi đánh bạc của bản thân và bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền 3.700.000đ, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong nhóm các bị cáo có hành vi đánh bạc. Đối với Đỗ Văn Q3 là người cầm cái sau đó trực tiếp tham gia đánh bạc, Trần Văn T4, Khương Thị T5, Phạm Thu H5, Nguyễn Tiến C1, Đỗ Văn G, Lê Văn H6, Lê Văn H11, Đặng Văn Q1, Vũ Tô H9 trực tiếp tham gia đánh

bạc nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò người thực hành trong vụ án. Đối với bị cáo Nguyễn Đăng M1, bị cáo là người thay Q1 cầm cái xóc đĩa. Tuy bị cáo không tham gia đặt cược bằng tiền, việc xóc đĩa không được hưởng lợi ích gì nhưng bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần thiết phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đào Tiến L thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo đầu thú và có bà nội, ông nội là người có công với nhà nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Kiên Q đầu thú, thành khẩn khai báo và có bố đẻ là người có công được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trần Văn T4, Khương Thị T5, Phạm Thu H5, Đỗ Văn G, Nguyễn Tiến C1, Lý Văn H8, Vũ Tô H9, Đặng Văn Q1, Lê Văn H6 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Đăng M1 thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự gồm: Bị cáo Đặng Văn Q1 đầu thú và có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Tiến C1 có ông nội được tặng thưởng Huân huy chương kháng chiến; bị cáo Lê Văn H6, Lý Văn H8, Vũ Tô H9, Nguyễn Đăng M1 đầu thú.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì:

Đối với bị cáo Đào Tiến L là người giữ vai trò chính, bị cáo có nhân thân xấu từng bị TAND huyện Bảo Thắng xét xử về tội đánh bạc và hiện có 01 tiền sự chưa chấp hành xong nên cần thiết phạt tù giam, cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục.

Đối với Nguyễn Kiên Q đồng phạm giúp sức với Đào Tiến L, xét thấy bị cáo không được hưởng lợi gì từ việc tổ chức đánh bạc, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội.

Đối với bị cáo Đỗ Văn G là người tích cực giúp bị cáo L tìm địa điểm để thoả mãn việc đánh bạc của bản thân. Trong nhóm các bị cáo đồng phạm đánh bạc thì bị cáo G thực hành tích cực nhất, do đó đối với bị cáo G cần phải xử phạt tù giam để răn đe phòng ngừa tội phạm.

Đối với Nguyễn Tiến C1 sử dụng 5.000.000đ đánh bạc, Vũ Tô H9 sử dụng 2.000.000đ đánh bạc, Đặng Văn Q1 sử dụng 1.150.000đ đánh bạc. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo đều khai nhận có thu nhập, tại địa phương có tài sản là nhà ở và quyền sử dụng đất nên cần xử phạt các bị cáo một khoản tiền sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Đăng M1 là người có nhân thân xấu, tuy nhiên xét thấy bị cáo không tham gia đặt cược, việc cầm cái thay bị cáo Q1 chỉ là ngẫu nhiên không có sự bàn bạc với ai, bị cáo cũng không được hưởng lợi gì nên vai trò của bị cáo không đáng kể. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, các tiền án tiền sự từ năm 2004, 2010 và 2011 đều đã chấp hành xong nhiều năm nay. Xét thấy tính chất mức độ tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có thu nhập và có tài sản. Do đó đối với bị cáo M1 cần xử phạt một khoản tiền để sung quỹ nhà nước là phù hợp.

Đối với Trần Văn T4 sử dụng 800.000đ đánh bạc, Trần Thị H12 sử dụng 860.000đ để đánh bạc, Khương Thị T5 sử dụng 500.000đ đánh bạc, Lý Văn H8 sử dụng 700.000đ đánh bạc, Lê Văn H6 sử dụng 2.800.000đ đánh bạc. Các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương. Các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản gì, do đó cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục là phù hợp.

[5]. Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo L tổ chức đánh bạc đã thu lời số tiền 1.900.000đ nên cần phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo. Đối với các bị cáo khác không cần thiết phải phạt bổ sung.

[6]. Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý các vật chứng như sau:

Khi bắt quả tang đã thu giữ trên chiếu bạc số tiền 11.050.000đ cùng các vật dụng: 01 đĩa men sứ hình tròn màu trắng, 01 bát men sứ màu trắng; 01 thảm vải màu đỏ đen; 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài tây; 04 lá bài tây các chất 3 bích, 4 bích, 3 rô, 4 rô; 20 ghế nhựa màu xanh; 01 túi có dây đen bằng vải giả da màu nâu bên trong có 01 kéo bằng kim loại và 46 lá bài tây. Đối với số tiền 11.050.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với các vật dụng còn lại không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền của các bị cáo như sau: Thu giữ của Khương Thị T5 số tiền 2.000.000đ; Thu của Nguyễn Tiến C1 số tiền 1.500.000đ. Khi đầu thú Vũ Tô H9 tự giác nộp 3.700.000đ, Đào Tiến L tự giác nộp: 1.900.000đ. Xét thấy đây là số tiền các bị cáo có sử dụng vào việc đánh bạc nên

cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Ngoài ra có thu giữ của Lê Thị N2 số tiền 32.050.000đ, kết quả điều tra xác định Lê Thị N2 không đánh bạc và số tiền này không liên quan tới việc đánh bạc của các bị cáo khác nên cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Thị N2 là đúng quy định.

Cơ quan điều tra có thu giữ tài sản của các bị cáo gồm: Thu giữ của Khương Thị T5 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng hồng bên trong lắp sim 0963974325. Thu giữ của Phạm Thu H5 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus màu đen bên trong lắp sim 0867618386. Thu giữ của Nguyễn Tiến C1 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen, bên trong lắp sim 0826381360. Các bị cáo không sử dụng điện thoại vào việc đánh bạc nên cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho các bị cáo là đúng quy định. Ngoài ra có Tạm giữ của Lê Thị N2 01 điện thoại Oppo màu xanh đen, 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng hồng và 01 điện thoại OPPO màu xanh, đã xử lý trả lại cho N2 là đúng quy định.

Ngoài ra quá trình bắt giữ còn thu giữ tại nhà anh Đặng Văn P2: 01 xe máy Honda Wave Alpha biển kiểm soát 24T1-106.79 màu xanh đen đã qua sử dụng; 01 xe máy Honda Wave Alpha biển kiểm soát 24B3-024.45 màu xanh đen đã qua sử dụng. Kết quả điều tra xác định xe máy biển kiểm soát 24T1-106.79 là của Nguyễn Văn C5 (sinh năm 1987, địa chỉ: thôn G, xã X) cho Lê Văn H6 mượn sử dụng, anh C5 không biết H6 sử dụng xe để đi đánh bạc nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh C5. Chiếc xe máy biển kiểm soát 24B3-024.45 là của Lê Thị N2, do N2 không liên quan tới việc đánh bạc nên đã trả lại cho N2.

Hiện nay còn lại các vật chứng: 01 điện thoại Samsung galaxy A02 màu đen, bên trong lắp sim viettel 0866172547 thu giữ của Trần Văn T4 ; 01 điện thoại Oppo màu đen bên trong lắp sim 0348110618 thu giữ của Đỗ Văn G; Đào Tiến L nộp: 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen bên trong lắp sim 0786.049.863 và 01 sim điện thoại 0983389959; 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu hồng, bên trong lắp sim 0978364226 thu giữ của Lê Văn H6. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại vào việc trao đổi thông tin về việc đánh bạc nên cần phải tịch thu sung quỹ điện thoại, tịch thu tiêu hủy các thẻ sim lắp trong điện thoại.

[7]. Các vấn đề có liên quan trong vụ án:

Ngoài các bị cáo đã bị khởi tố điều tra xử lý theo quy định của pháp luật, còn có Nguyễn Văn N3, Nguyễn Văn H10, Nguyễn Văn C5, Nguyễn Văn Đ2, Hoàng Trung Đ1, Lê Thị N2 có mặt tại địa điểm đánh bạc trên vào ngày 20/6/2023. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định những người này không tham gia đánh bạc và cũng không liên quan đến hành vi tổ chức đánh bạc của Đào Tiến L. Do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Đặng Văn P2 là chủ sở hữu vườn đồi nơi tổ chức đánh bạc ngày 20/6/2023. Quá trình điều tra xác định thời điểm các bị cáo đánh bạc Đặng Văn P2 không có nhà, không biết việc các đối tượng sử dụng vườn đồi nhà mình làm địa điểm để đánh bạc. Vì vậy, cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với Tạ Duy T12 là người cho L thuê xe ô tô, nhưng khi cho thuê xe T12 không biết L sử dụng xe ô tô làm phương tiện chở công cụ phục vụ việc tổ chức đánh bạc. Do đó, cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[8]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về điều luật áp dụng là đúng, mức hình phạt đề nghị áp dụng với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi. Tại phiên tòa các bị cáo không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đào Tiến L, Nguyễn Kiên Q phạm tội "Tổ chức đánh bạc"

Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn Q1, Đỗ Văn G, Nguyễn Tiến C1, Lê Văn H6, Vũ Tô H9, Phạm Thu H5, Trần Văn T4, Lý Văn H8, Khương Thị T5, Nguyễn Đăng M1 phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Tiến L 01 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Đào Tiến L 20.000.000đ sung quỹ nhà nước.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kiên Q 01 năm tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn G 01 năm 03 tháng tù. Khấu trừ cho bị cáo 10 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 02 tháng 20 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 17, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Q1 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Vũ Tô H9 25.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C1 30.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 17, 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng M1 20.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Lê Văn H6 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Lý Văn H8 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Trần Văn T4 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Phạm Thu H5 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Khương Thị T5 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 08 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Kiên Q, Khương Thị T5, Lê Văn H6, Lý Văn H8 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn T4 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Phạm Thu H5 cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 11.050.000đ thu trên chiếu bạc, 2.000.000đ thu giữ của Khương Thị T5, 1.500.000đ thu giữ của Nguyễn Tiến C1; 1.900.000đ của Đào Tiến L và 3.700.000đ của Vũ Tô H9. Các khoản tiền hiện đang được gửi tại Kho bạc nhà nước huyện B, tỉnh Lào Cai theo biên bản giao nhận tài sản số 116/2023/BBGN-KBBT ngày 06/7/2023 và số 146/2023/BBGN-KBBT ngày 17/8/2023.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước:

01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A02 loại màn hình cảm ứng đã bị nứt vỡ, màu đen, thu giữ của Trần Văn T4, số seri R58R13SN2HB, số IMEI 1: 351389222471163, số IMEI 2: 352682482741165.

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, màu đen, thu giữ của Đỗ Văn G, số seri RW9HSCEJRFAYP4.

01 thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số se-ri thu giữ của Lê Văn H6, số seri FD2VLCAYJCM1.

01 điện thoại di động Nokia 1280, số sê-ri 354326042505058 thu giữ của Đào Tiến L

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim điện thoại số thuê bao 0866.172.547 lắp trong điện thoại SAMSUNG Galaxy A02 thu giữ của Trần Văn T4; 01 thẻ sim điện thoại số thuê bao 034.811.0618 lắp trong điện thoại OPPO thu giữ của Đỗ Văn G2; 01 thẻ sim điện thoại số thuê bao 0978.364.266 lắp trong điện thoại Iphone 8 Plus thu giữ của Lê Văn H6; 01 thẻ sim điện thoại số thuê bao 0768049863 lắp trong điện thoại Nokia 1280 thu giữ của Đào Tiến L; 01 thẻ sim điện thoại số thuê bao 0983389959 do Đào Tiến L giao nộp.

- Tịch thu tiêu hủy:

01 đĩa men sứ hình tròn màu trắng đường kính 18cm; 01 bát men sứ màu trắng mặt ngoài có hoa văn, đáy bát có logo màu xanh dương và hàng chữ "ceramic", đường kính miệng bát 11,5cm; 01 thảm vải màu đỏ đen kích thước 5,9m x 1,3m;

04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài tây trong đó có 02 quân vị mặt chất "rô" và 02 quân vị mặt chất "cơ", mặt còn lại hoa văn màu xanh - vàng; 04 lá bài tây các chất "3 bích", "4 bích", "3 rô", "4 rô";

20 ghê nhựa màu xanh mặt ghê có in hoa văn và in chữ "NHỰA KHẢI THỪA";

01 túi có dây đen bằng vải giả da màu nâu, kích thước 27cm x 22cm; 01 kéo bằng kim loại dài 18,7cm; 46 lá bài tây.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đào Tiến L, Nguyễn Kiên Q, Đặng Văn Q1, Đỗ Văn G, Nguyễn Tiến C1, Lê Văn H6, Vũ Tô H9, Phạm Thu H5, Trần Văn T4, Lý Văn H8, Khương Thị T5, Nguyễn Đăng M1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- Công an huyện Bảo Thắng;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh LC;
- Sở tư pháp tỉnh LC;
- UBND xã Xuân Quang;
- UBND xã Trì Quang;
- UBND TT Phố Lu;
- Bị cáo (12);
- Thi hành án hình sự (12);
- Lưu HS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Giang Thanh